TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bằng

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/ 2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Bích T**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Số 176/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc Duy H**, sinh năm 1990
Địa chỉ: 71/A2, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T và anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trịnh Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Bích T và Phạm Ngọc Duy H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau 03 (ba) năm thì tự nguyện đi đến đăng ký hôn và được UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2014. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cùng gia đình anh H tại địa chỉ 71/A2, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, do kinh tế gia đình không ổn định, anh H không lo lắng làm ăn, không quan tâm đến gia đình mà bị bạn bè rủ rê đi bán hàng đa cấp, từ khi anh H tham gia bán hàng đa cấp thì tính tình thay đổi,

con người anh H rất gia trưởng, tự quyết định mọi công việc mà không tôn trọng ý kiến của chị T cũng như gia đình. Mặt khác anh H còn tự vay mượn tiền để mua hàng và mua xe ô tô sau đó làm ăn thất bại. Nhiều lần chị T đã cho anh H cơ hội thay đổi nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng rất ít khi nói chuyện với nhau. Sau khi làm ăn thất bại thì anh H đi làm ăn với bạn bè khoảng 01 tháng mới về nhà chơi rồi lại tiếp tục đi. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ năm 2021 đến nay chị T và hai con đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ sống ở xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất.

Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng anh H mới gọi điện thoại hỏi thăm hai con. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc Duy H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc Hoàng A, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Phạm Minh P, sinh ngày 07/7/2017. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Tạm thời chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay nghề nghiệp của chị T là buôn bán thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), mặt khác hiện nay chị và các con đang sống cùng với cha mẹ nên còn được cha mẹ phụ giúp về kinh tế cũng như chăm sóc con chung nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: không có.

Bị đơn - anh Phạm Ngọc Duy H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị Bích T và anh Phạm Ngọc Duy H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Phạm Ngọc Hoàng A, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Phạm Minh P, sinh ngày 07/7/2017 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị Bích T và anh Phạm Ngọc Duy H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2014. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, theo chị L trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không lo lắng, quan tâm đến vợ con mà thường bỏ nhà đi buôn bán với bạn bè và tính tình anh H rất gia trưởng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và phải sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Sự việc này mặc dù không được anh H thừa nhận nhưng phù hợp với kết quả xác minh ngày 29/5/2023 tại Ban ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định: *"... Trong quá trình chung sống với nhau thì chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì ban ấp không nắm được, ban ấp chỉ nắm được thông tin chị T và anh H không sống chung nhà với nhau từ năm 2019, việc ai nấy làm ..."*. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh H đều không đến thể hiện việc anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly

hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Hoàng A, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Phạm Minh P, sinh ngày 07/7/2017. Hai con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân các con đều do chị T nuôi dưỡng. Do vậy, cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhằm đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị T không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị Trịnh Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Thị Lan.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trịnh Thị Bích T và anh Phạm Ngọc Duy H được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao các Phạm Ngọc Hoàng Anh, sinh ngày 01/8/2015 và cháu Phạm Minh Phong, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Trịnh Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Phạm Ngọc Duy H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Phạm Ngọc Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009402 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trịnh Thị Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND thị trấn G, huyện T;
(GCNKH số 41 (quyển số 01/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Châu Ngọc Hà